

Số: /BC-STP

Tuyên Quang, ngày tháng 11 năm 2023

BÁO CÁO

Kết quả thẩm định dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số nội dung chi, mức chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

Căn cứ Điều 121 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020), Giám đốc Sở Tư pháp đã ban hành Quyết định số 228/QĐ-STP ngày 25/10/2023 thành lập Hội đồng tư vấn thẩm định dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định một số nội dung chi, mức chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (sau đây viết tắt là Hội đồng tư vấn thẩm định), do Giám đốc Sở Tư pháp là Chủ tịch Hội đồng; các thành viên Hội đồng gồm đại diện: Ban Pháp chế (HĐND tỉnh), Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Hội Luật gia tỉnh, UBND thành phố Tuyên Quang và chuyên viên Sở Tư pháp.

Ngày 01/11/2023, Sở Tư pháp đã tổ chức họp Hội đồng tư vấn thẩm định, đồng thời mời Ban Dân tộc, HĐND tỉnh (cơ quan được giao thẩm tra dự thảo Nghị quyết) tham dự cuộc họp. Trên cơ sở ý kiến của các đại biểu tham dự cuộc họp ngày 01/11/2023 và kết quả nghiên cứu độc lập, Sở Tư pháp có ý kiến thẩm định như sau:

I. CĂN CỨ THẨM ĐỊNH VĂN BẢN

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015, được sửa đổi bổ sung tại Điều 2 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019; khoản 2 Điều 57 Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017.

- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015, được sửa đổi, bổ sung tại Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020 (viết chung là Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật).

- Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 217 Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020.

- Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật (*viết tắt là Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP)*).

- Thông tư số 56/2023/TT-BTC, ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở (*viết tắt là Thông tư số 56/2023/TT-BTC*).

- Một số văn bản, tài liệu khác có liên quan.

II. NỘI DUNG THẨM ĐỊNH

1. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Ngày 23/7/2014, HĐND tỉnh Tuyên Quang đã ban hành Nghị quyết số 15/2014/NQ-HĐND Ban hành Quy định một số mức chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ pháp lý chính để ban hành Nghị quyết số 15/2014/NQ-HĐND là Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Bộ Tài chính - Bộ Tư pháp Quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở (*sau đây viết tắt là Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP*).

Ngày 18/01/2015, HĐND tỉnh Tuyên Quang đã ban hành Nghị quyết số 11/2015/NQ-HĐND Quy định mức chi thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ pháp lý chính để ban hành Nghị quyết số 11/2015/NQ-HĐND là Thông tư liên tịch số 100/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 30 tháng 7 năm 2014 của Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp Quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở (*sau đây viết tắt là Thông tư liên tịch số 100/2014/TTLT-BTC-BTP*).

Tuy nhiên, đến nay Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP và Thông tư liên tịch số 100/2014/TTLT-BTC-BTP đã hết hiệu lực thi hành và được thay thế bởi Thông tư số 56/2023/TT-BTC. Theo đó, mức chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa

bản tỉnh Tuyên Quang tại Nghị quyết số 15/2014/NQ-HĐND và Nghị quyết số 11/2015/NQ-HĐND không phù hợp với mức chi quy định tại Thông tư số 56/2023/TT-BTC.

Từ những vấn đề nêu trên và căn cứ khoản 1 Điều 12 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật¹, khoản 2 Điều 143 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP)², khoản 1, khoản 2 Điều 5 Thông tư số 56/2023/TT-BTC³, thì việc trình UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quy định quy định một số nội dung chi, mức chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang để thay thế Nghị quyết số 15/2014/NQ-HĐND và Nghị quyết số 11/2015/NQ-HĐND là cần thiết.

2. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của dự thảo Nghị quyết

2.1. Phạm vi điều chỉnh

Điều 1 dự thảo Nghị quyết quy định: “*Nghị quyết này quy định một số nội dung chi, mức chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang*”.

Tại dự thảo Phụ lục ban hành kèm theo dự thảo Nghị quyết quy định 27 nội dung chi và mức chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở, trong đó: Có 24/27 nội dung chi đã được quy định tại Thông tư số 56/2023/TT-BTC, dự thảo Nghị quyết chỉ quy định mức chi (theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư số 56/2023/TT-BTC); có 03/27 nội dung chi khác được bổ sung so với Thông tư số 56/2023/TT-BTC (theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư số 56/2023/TT-BTC), gồm: (1) Chi hỗ trợ cho người dân sinh sống tại các thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Tuyên Quang tham dự các hội nghị/buổi tập huấn, tuyên truyền pháp luật, hội thi tìm hiểu pháp luật; (2) Chi bồi dưỡng thành viên Ban tổ chức

¹ Khoản 1 Điều 12 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định: “*Văn bản quy phạm pháp luật chi được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ bằng văn bản quy phạm pháp luật của chính cơ quan nhà nước đã ban hành văn bản đó hoặc bị đình chỉ việc thi hành hoặc bãi bỏ bằng văn bản của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền*”.

² Khoản 3 Điều 143 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP) quy định: “*2. Thay thế văn bản được áp dụng trong trường hợp toàn bộ hoặc phần lớn nội dung của văn bản trái, chồng chéo, mâu thuẫn với văn bản là căn cứ để ra soát hoặc không còn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội*”.

³ Khoản 1, khoản 2 Điều 5 Thông tư số 56/2023/TT-BTC:

“*1....Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quy định các mức chi cụ thể để thực hiện cho phù hợp với tình hình thực tiễn và khả năng cân đối của ngân sách địa phương.*

Căn cứ yêu cầu nhiệm vụ, tình hình thực tế ở địa phương và khả năng cân đối của ngân sách địa phương, Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định nội dung, mức chi khác thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở của địa phương, bảo đảm phù hợp với quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành”.

bầu hòa giải viên tham gia họp chuẩn bị cho việc bầu hòa giải viên; (3) Chi tiền nước uống cho người tham dự cuộc họp bầu hòa giải viên.

Về 03 khoản chi bổ sung nêu trên, đề nghị nghiên cứu kỹ các quy định của pháp luật hiện hành, đồng thời tham khảo một số địa phương, khả năng cân đối của ngân sách địa phương để cân nhắc về bổ sung 03 nội dung chi khác so với Thông tư số 56/2023/TT-BTC nêu trên, nhằm đảm bảo đúng quy định của pháp luật và phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương và khả năng thực thi.

2.2. Đối tượng áp dụng

Quy định về đối tượng áp dụng (Điều 2) của dự thảo Nghị quyết bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thống nhất với nội dung của dự thảo Nghị quyết.

3. Sự phù hợp của nội dung dự thảo Nghị quyết với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước; tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo Nghị quyết với hệ thống pháp luật; sự phù hợp với văn bản đã giao cho HĐND tỉnh quy định chi tiết

Dự thảo Nghị quyết có nội dung phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước; bảo đảm tính hợp Hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo Nghị quyết với hệ thống pháp luật; đồng thời, phù hợp với văn bản đã giao cho HĐND tỉnh quy định chi tiết là Thông tư số 56/2023/TT-BTC.

4. Ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản

Đề nghị tiếp tục rà soát lại toàn bộ dự thảo Nghị quyết để chỉnh sửa thể thức, kỹ thuật trình bày của văn bản cho phù hợp với quy định tại Chương V (từ Điều 55 đến Điều 81) và Mẫu số 16 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP).

6. Trình tự, thủ tục soạn thảo văn bản

- Dự thảo Nghị quyết được soạn thảo, lấy ý kiến tham đúng trình tự, thủ tục theo quy định.

- Về hồ sơ dự thảo Nghị quyết: Đề nghị rà soát lại các tài liệu kèm theo hồ sơ dự thảo Nghị quyết (như: *Biểu so sánh mức chi bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hoà giải ở cơ sở,...*), để chỉnh sửa cho thống nhất với nội dung dự thảo Nghị quyết.

III. KẾT LUẬN

1. Đề nghị cơ quan soạn thảo tiếp thu ý kiến thẩm định nêu tại Mục II Báo cáo thẩm định này; đồng thời rà soát lại toàn bộ nội dung dự thảo văn bản để chỉnh sửa, hoàn chỉnh dự thảo văn bản cho phù hợp với pháp luật hiện hành.

2. Sau khi hoàn chỉnh theo khoản 1 Mục III Báo cáo này, dự thảo văn bản đủ điều kiện trình UBND tỉnh theo quy định.

Trên đây là báo cáo kết quả thẩm định của Sở Tư pháp về dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định một số nội dung chi, mức chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Giám đốc STP;
- Tổ soạn thảo theo Quyết định số 217/QĐ-STP;
- Trang TTĐT STP (đăng tải);
- Lưu: VT, XDKTTHPL&PBGDPL.(TTLan.06b)

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Thược